

NÉT ĐẸP TRONG QUAN HỆ GIA ĐÌNH NGƯỜI MƯỜNG THỂ HIỆN QUA NGỮ NGHĨA CỦA *TỤC NGỮ MƯỜNG THANH HOÁ*

Trần Thị Xuân*

1. Tục ngữ là bộ phận quan trọng của văn học dân gian và là đối tượng nghiên cứu thường xuyên của nhiều ngành khoa học trong đó có ngành Ngôn ngữ. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu tục ngữ người Việt nhưng tục ngữ của các dân tộc thiểu số nói chung và của dân tộc Mường nói riêng thì vẫn ít được quan tâm. Điều này một phần do công tác sưu tầm, biên soạn, xuất bản còn hạn chế, mặt khác, muốn hiểu được tục ngữ thì người viết phải có những hiểu biết nhất định về ngôn ngữ, văn hoá truyền thống của các dân tộc ấy. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tìm hiểu khía cạnh *nét đẹp trong quan hệ gia đình người Mường thể hiện qua ngữ nghĩa của “Tục ngữ Mường Thanh Hoá”*. Tư liệu khảo sát là cuốn *Tục ngữ Mường Thanh Hoá* của Cao Sơn Hải. Cụ thể, chúng tôi tìm hiểu những câu tục ngữ thể hiện quan hệ gia đình qua khía cạnh ngữ nghĩa để thấy được nét đẹp trong văn hoá ứng xử cũng như cách tư duy của người dân Mường.

2. Dân tộc Mường là dân tộc thiểu số có số dân đông thứ ba cả nước sau dân tộc Tày, Thái. Theo số liệu điều tra năm 1999, số lượng người Mường trong cả nước là 1.137.515 người, phân bố chủ yếu ở các tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ, Thanh Hoá, Sơn La và một số huyện của tỉnh Ninh Bình, Lâm Đồng... Người Mường sống gần gũi với người Việt. Tiếng Mường và tiếng Việt có cùng nguồn gốc, thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, họ Nam Á.

Tuy không có chữ viết nhưng người Mường vẫn lưu giữ được một kho tàng văn học dân gian đồ sộ, phong phú, trong đó tục ngữ có một vị trí quan trọng. Tác giả Cao Sơn Hải với công trình *Tục ngữ Mường Thanh Hoá* đã hệ thống lại cơ bản những câu tục ngữ bấy lâu vẫn tồn tại trong dân gian. Trong tổng số 1506 câu tục ngữ được biên soạn, chúng tôi khảo sát được 192 câu (12,7%) thể hiện quan hệ gia đình. Có một điều dễ nhận thấy là người Mường có xu thế sống nhiều thế hệ trong cùng một gia đình. Thực tế hiện nay vẫn còn nhiều gia đình người Mường có từ 3 đến 4 thế hệ chung sống trong những điều kiện vật chất chật hẹp, khó khăn. Tuy nhiên, họ vẫn không muốn làm nhà riêng. Đó chính là biểu hiện của sự đoàn kết, gắn bó. Người Mường sống rất hòa thuận, vui vầy, hiếm khi xảy ra tranh chấp, so bì hay sự to tiếng.

* Đại học Vinh

Qua khảo sát, trong tổng số 192 câu tục ngữ thể hiện quan hệ gia đình, tục ngữ Mường nói đến 4 quan hệ; theo ngữ nghĩa, chúng tôi phân ra 4 nhóm chính: Quan hệ cha mẹ - con cái, quan hệ vợ - chồng, quan hệ anh - chị - em, quan hệ dâu - rể - họ hàng.

2.1. Quan hệ cha mẹ - con cái thể hiện qua ngữ nghĩa tục ngữ

Trong tổng số 192 câu tục ngữ thể hiện quan hệ gia đình thì có 91 câu nói về quan hệ cha mẹ - con cái. Cũng như các dân tộc khác, đây là quan hệ huyết thống giữ vai trò nền tảng cho sự bền vững của mỗi gia đình.

Cha mẹ đối với con cái: Hầu hết các câu tục ngữ đều khẳng định cha mẹ là chỗ dựa cho con cái cả về vật chất lẫn tinh thần. Tình cảm cha mẹ đối với con cái và ngược lại được thể hiện qua các nội dung ngữ nghĩa sau:

Cha mẹ sinh thành yêu thương, chăm sóc con cái: *Bỏ bẻ mẹ vang* (Bố bế mẹ mang); *Người đẻ sương mười, người ruôi sương chín* (Người đẻ thương mười, người nuôi thương chín)...; Cha mẹ thường xuyên dạy bảo: *Bỏ khề mẹ đầy* (Bố đe mẹ dạy); *Bỏ khề phải nghe, mẹ vế phải trắng* (Mẹ nói phải nghe, bố đe phải lắng). Mỗi bậc cha mẹ đều luôn ý thức một điều: *Con rón chì hơn, con thon chì vật* (Con được rèn rửa thì hơn, con cưng dễ hỏng)...; Cha mẹ là chỗ dựa vững chắc cho con: *Con bín bỏ bín mẹ nhờ ôộc bín chân cầu, vật bỏ vật mẹ nhờ treo cân cao chẳng cò ngàm*. (Con vịn bố vịn mẹ như ốc vịn chân cầu, mất bố mất mẹ như treo cây cao không có chạc); *Bỏ mẹ giàu con cò vốn* (Bố mẹ giàu con có vốn)...; Cha mẹ có ảnh hưởng lớn đến con cái: *Bỏ sí nó, con sí rì* (Bố làm sao, con làm vậy); *Nói nó rề, mẹ nó con* (Nói nào rề nấy, mẹ nào con nấy)...

Con cái đối với cha mẹ: Con cái kính trọng biết ơn cha mẹ: *Công bỏ bằng bẻ, công mẹ bằng trời* (Công bố bằng bề, công mẹ bằng trời); *Dại ý bỏ rồ ý mẹ* (Dại cũng bố rồ cũng mẹ)...; Con cái hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ: *Con giàu bỏ mẹ ăn lóm ăn nò, con đòi khò bỏ mẹ ăn rửa lá xâu xênh* (Con cái giàu bố mẹ được miếng tim gan, con cái khó bố mẹ ăn lá rau ngàn cũng xong).

Sống gần người Mường, ta thấy cha mẹ rất ít khi quát mắng con. Ngược lại, con cái cũng hiếm khi dám phản ứng lại cha mẹ. Tất cả chỉ là sự thủ thỉ, nhẹ nhàng. Đây là nét đẹp trong văn hóa ứng xử cần được lưu giữ và phát huy.

2.2. Quan hệ vợ - chồng

Trong tổng số 44 câu thể hiện quan hệ vợ - chồng ta thấy bao trùm là tình cảm thương yêu chia sẻ. Tục ngữ Mường đề cao sự hy sinh của người phụ nữ trong việc giữ gìn hạnh phúc gia đình. Vợ chồng tình nghĩa thủy chung: Người Mường thường nói “*Kiếp cùi ngải doông*” (Tình vợ nghĩa chồng). Có thể thấy, ngoài tình yêu đôi lứa thì trong quan hệ vợ chồng, tình nghĩa vẫn là yếu tố nền tảng không thể thiếu của sự bền chặt: *Troộc hôm rênh sim rênh rờ, khom dao rênh vớ rênh chốong* (Đầu hôm nên tính nên tình, sáng ra nên vợ chồng mình đẹp đôi); *Ăn mấn lòng, ở mấn lảng* (Ăn nên nghĩa, sống nên tình). Đây là quan niệm tiên bộ và đúng đắn. Tình nghĩa chính là thứ keo gắn kết và duy trì hạnh phúc của người dân Mường và là cơ sở để xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp. Vợ chồng khó khăn san sẻ: *Eng quyết ùn quyết mây rên, mênh eng quyết như cún leo lên kèo ngón loón xuống*. (Hai ta cùng quyết mới nên, một người quyết như dây rừng leo lên bị người ta chặt gốc). Đây là cách nói quen thuộc của người miền núi. Lấy hình ảnh

dây rừng leo lên, quen thuộc, gần gũi để diễn tả tình cảm vợ chồng. Cũng như dây rừng, tuy dai chắc nhưng cũng mảnh dẻ mỏng manh, qua đó người Mường muốn khẳng định: cần có sự bảo vệ của cả vợ cả chồng, phải biết kết hợp, đan cài mới tạo nên sự bền vững trong tình cảm vợ chồng.

Người Mường xưa thường có hình thức hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, vì vậy có những người hăm hiu lấy phải người vợ người chồng không được như thiên hạ. Trong hoàn cảnh éo le ấy, tục ngữ Mường như người bạn đồng viên: *Khôn ý vớ dở ý choổng* (Khôn cũng vợ, dở cũng chồng). Vợ chồng là nghĩa trăm năm, hơn nữa với người Mường vợ chồng bỏ nhau là điều tối kỵ. Vì vậy tục ngữ Mường có chức năng giáo dục, khuyên con người phải biết chấp nhận và hy sinh để sống cho tròn đạo lý.

Người vợ trong quan hệ với chồng: Chồng là chỗ dựa vững chắc và có ảnh hưởng lớn nhất đến cuộc sống của người phụ nữ Mường: *Trăm lời ông ầu chẳng bằng siêng dầu sắng hen*. (Trăm lời cúng đơm của ông đồng chẳng bằng một tiếng chồng đăng hắng.) Điểm nổi bật của người phụ nữ Mường là sự cam chịu, phụ thuộc và nghe lời chồng. Qua ngữ nghĩa trong tục ngữ, ta hiếm thấy cảnh vợ cãi chồng mà chỉ là sự phục tùng: *Tột ý dầu bấu, xấu ý dầu ménh* (Đẹp cũng chồng người, xấu cũng chồng mình). Họ hy sinh bản thân để giữ gìn hạnh phúc gia đình: *Bể con doổng còn hơn boổng con bấu* (Bể con chồng hơn bồng con người.). Nhiều khi họ phải cay đắng nhượng bộ mà âm thầm chịu cảnh: *Lé mú rết cho giông nơ bắt trổng bao mặt* (Lấy vợ bé cho chồng như bỏ con mòng vào mắt).

Người chồng trong quan hệ với vợ: Tuy số câu thể hiện quan hệ này không nhiều nhưng ta cũng thấy được những nét đẹp trong quan hệ tình cảm. Người chồng Mường luôn ý thức cùng vợ xây dựng tổ ấm: *Suong mé bể con* (Thương mẹ bé con); *Của đán ông, công đán mú* (Của chồng, công vợ); *Việc nhỏ bán với vớ troong nhà* (Việc nhỏ bàn với vợ trong nhà)... Người đàn ông Mường tuy có vai trò quan trọng và được đề cao song họ vẫn hiện lên với vẻ thật thà, chất phác. Họ cũng có sự cảm thông và chia sẻ cùng vợ. Điều này phần nào cũng góp phần giữ gìn hạnh phúc gia đình.

2.3. Quan hệ anh - chị - em

Qua khảo sát, ta thấy có 32 câu thể hiện quan hệ anh - chị - em. Xuyên suốt quan hệ này là tình cảm thương yêu, đoàn kết. Do chung sống nhiều thế hệ trong cùng một gia đình nên anh chị em có điều kiện gần gũi, giúp đỡ nhau. Ở đây họ sống rất tình cảm. Anh chị không gọi em là thằng nọ, con kia, cũng không kêu tên khai sinh mà gọi âu yếm là *ún*, *eeng*, *ún hai*, *ún ba*... một cách thân mật. *Ừ nó ý léng, eeng nó ý sịch* (Em nào cũng lành, anh nào cũng tốt). Tình cảm anh em gắn bó được thể hiện qua những hình ảnh rất đẹp: *Ừ eeng ở óổng khổ nơ bọt rạc trằng* (Anh em ở với nhau như bát nước trong); *Cò ùn cò máng nơ khàng cò khao* (Có anh có em như trăng với sao). Đôi khi tình cảm máu mủ ấy lại được bộc lộ trực tiếp: *Ừ eeng sénh đêe* (Anh em liền khúc ruột); *Ừ eeng nơ chân mân say, mú dá nơ đổ thay thảo* (Anh em như chân với tay, vợ như đồ thay áo); Tục ngữ Mường khuyên dạy: *Con ùn phải mấn sai trằng, con máng phải mấn sai điệc* (Làm em đôi tai phải sáng, làm anh đôi tai phải điếc). Trong cuộc sống không tránh khỏi

những va chạm, nhưng người Mường luôn hướng tới sự yên bình: *Bời khó đừng bời nặng, vắng khó đừng vắng đau, còn có ngáy sương khá sương nhau trở lái* (Bối nhau đừng bối nặng, vắng nhau đừng vắng đau, đời còn có lúc thương nhau). Thực tế dù giận, dù thương thì tình cảm anh chị em vẫn là thiêng liêng, không dễ gì chia cắt được. Vì vậy tục ngữ Mường khuyên mọi người hãy biết trân trọng và giữ gìn những tình cảm tốt đẹp ấy.

2.4. Quan hệ dâu – rể - họ hàng

Quan hệ này được thể hiện qua 25 câu với các nhóm chính:

Con dâu với nhà chồng: Người con dâu Mường thường phải chịu rất nhiều thiệt thòi. Trong quan hệ với mẹ chồng: *Lé àn con du khu mắt dá* (Lấy được con dâu núng sâu mắt mẹ chồng); *Chưa có con du vác tru ý nổi, còn con du rồi vác bởi ý nặng* (Chưa có con dâu vác trâu cũng nổi, có con dâu rồi vác nắm sợi cũng đau). Trong quan hệ với họ hàng nhà chồng: *Mấn du cả nhor khá bữa trộc* (Làm dâu cả như rửa bồ đầu); *Mấn du nhá giầu, ăn sâu ý ghen* (Làm dâu nhà giàu ăn rau cũng ghen); *Nhều ùn ô nhều ven cà, nhều siêng sục siêng sói* (Nhiều em trai chồng nhiều giò cá, nhiều em gái chồng nhiều tiếng chê bai); *Nhều ùn ô nhều ven cà, nhều eeng chì, máng bà nhều rói vộc* (Nhiều em trai chồng nhiều giò cá, nhiều anh trai bác bá càng lắm rồi xông). Người con dâu Mường bị ràng buộc bởi rất nhiều tục lệ khắt khe: *Eeng chì mân ùn du chẳng đi một khà, con du mân ôông đà chẳng ngồi một vâm* (Em dâu anh chồng không bước một đường, con dâu bố chồng không ngồi một mâm); *Ùn du eeng chì chẳng ngồi một vòng* (Em dâu anh chồng không ngồi một vòng (cửa sổ))

Con rể với nhà vợ: Mọi quan hệ này ít được tục ngữ Mường nhắc đến bởi thực tế quan niệm dân gian cũng ít khắt khe hơn với người con trai. Trước đây, người Mường có tục ở rể nên tục ngữ Mường cũng có một số câu thể hiện quan hệ chàng rể với nhà vợ: *Cò chú khò mây mấn àn dẫu troong lán* (Có chịu khó mới làm được rể trong làng); *Con đũa phải ở cho roóng, chẳng mặt bồ moóng khên hay xa* (Con trai phải khéo ăn khéo ở, chưa biết bố vợ gần hay xa). Hầu hết các chàng trai Mường là những người hiền lành chịu khó. Ở gia đình người Mường, con rể có mối quan hệ thân thiết gần gũi với nhà vợ. Điều này làm cho không khí gia đình luôn êm ả, yên vui.

Quan hệ họ hàng: Quan hệ này được thể hiện ở nhiều đối tượng: *Chết cha còn chú* (Chết cha con chú); *Lầu sơn lù, còn chú khôn* (Thằng cháu lù, thằng chú khôn); *Ăn cơm nhá bác, oòng rạc nhá chủ* (Ăn cơm nhà bác, uống nước nhà chủ)... Đặc biệt người Mường rất yêu quý và đề cao bên ngoại (nhà Mộng). Tục ngữ Mường thể hiện nhiều mối quan hệ giữa ông ngoại và cậu với cháu: *Sôn hư tại môóng* (Cháu hư tại nhà ngoại); *Công cú ruôi khổng, công môóng ruôi rên* (Cậu nuôi sống, ngoại dạy lớn khôn); *Giầu óống cú môóng, khổng óống lùg lán* (Giàu với cậu mợ, sống với lán giềng); *Sôn mống để vãi, sơn ngoái troong nông* (Cháu ngoại ngồi trong lòng, cháu nội ngồi ngoài đầu gối); *Sôn môóng ngồi nông, sơn ôông ngồi coọc còn* (Cháu nội ngồi ngoài, cháu ngoại ngồi trong)... Điều này cho thấy sự gắn bó, vai trò và ảnh hưởng của bên ngoại lên con cháu là rất lớn. Đây là nét độc đáo trong quan hệ gia đình của người Mường.

3. Qua việc khảo sát ngữ nghĩa của các câu tục ngữ chỉ quan hệ gia đình, ta thấy được cách tư duy, quan niệm về cuộc sống của người Mường. Không chỉ vậy, qua tục ngữ, ta còn thấy được lối nghĩ, lối nói của họ. Đó là cách nói vừa cô đọng, ngắn gọn, lại

vừa hình ảnh, bóng bẩy. Các câu có câu dài câu ngắn nhưng thường có 2 vế với những cặp từ như cha mẹ - con cái; vợ - chồng, anh, chị - em... Ta có thể phân nhóm các câu theo 4 kiểu cấu trúc sau:

- Cấu trúc tương đồng: Cấu trúc này thường có 2 vế A – B hài hòa cân đối. Hai vế được liên kết với nhau bằng những phương tiện từ vựng và thường cùng nằm trong cùng trường nghĩa. Ở đây các từ mang nghĩa miêu tả biểu hiện quan điểm, nhận thức của con người đối với quan hệ gia đình tạo nên chỉnh thể thống nhất. Người Mường thể hiện mối quan hệ tương đồng trong việc nhận thức về cuộc sống: *Bạc mân bá là va liên kí, chủ mân ý là va ly chực* (Bác với bá như hoa liên kỳ, chú với dì như hoa lý trúc), *Bồ cài ý nơ mế doông, bồ chống ý nơ mế vớ* (Bố mẹ chồng cũng như bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ cũng như bố mẹ mình); *Chung mế chì xa, chung cha chì khênh* (Chung mẹ thì xa, chung cha thì gần)...

- Cấu trúc đối lập: Người Mường thể hiện sự trái ngược nhau về một phương diện nào đó trong quan hệ gia đình qua sự đối lập giữa 2 vế A – B. Sự đối lập này thể hiện bằng những phương tiện từ vựng đối lập như: còn – mất, có – không...: *Cón bồ cón mế cón nắm náy nắm nhỏ, hết bồ hết mế đom chỗ vển rung* (Còn bố mẹ gói lớn gói nhỏ, hết bố mẹ đeo giỏ về không); *Cón bồ cón cô com, hết mế hết gói áo* (Còn bố còn mùng com, hết mẹ hết ôm áo); *Cò bồ cò mế nơ nhá cò rường, chẳng cò bồ cò mế nơ chường bẻ chân* (Có bố có mẹ như nhà có ruộng, không có bố có mẹ như ruộng gãy chân)...

- Cấu trúc so sánh: Tục ngữ Mường rất ưa lối nói so sánh để diễn đạt sự giống và khác nhau cũng như sự hơn kém giữa các đối tượng. Có cấu trúc so sánh ngang bằng (A như B, A là B, A bằng B...): *Ừn eeng nơ nói đồng, mú vớ nơ nói đặt* (Anh em như nòi đồng, vợ chồng như nòi đất); *Cò cửa cóổng nhá nơ bát rạc cò tắm, chưa cò cửa cóổng nhá nơ đàn chim chằm lêu lổng* (Có vợ có chồng như bát nước có tắm, không có vợ có chồng như đàn chim sáo chim giang lêu lổng); *Cài cò doông nơ không cò khù, nơ khú cò ma* (Gái có chồng như sông có sấu như núi có ma); *Con là ngón nghỉ, đàn ôông là chỉ rào* (Con là khúc ruột, chồng là gân cốt); *Con há giấu có trằng cau bầu ý nghò, con nhá đòi khô có trằng rò bầu ó nhằm* (Con nhà giàu bằng quả cau người cũng ngó, con nhà khó to bằng hoa chuối người cũng chẳng dòm)...

- Cấu trúc so sánh hơn kém (A không bằng B, A hơn B, nhất A nhì B...): *Của bằng núi bằng non chẳng bằng con hoóc khê* (Của bằng núi bằng non chẳng bằng nghe con học nói); *Thừ mốt vớ đại, thừ hai khá cún* (Thứ nhất vợ đại, thứ hai rửa cùn)...

- Cấu trúc kéo theo: Đây là dạng phổ biến trong tục ngữ Mường. Cấu trúc này được hiện thực hóa bằng hai vế A – B với các cặp từ quan hệ như: *nếu – thì, hễ – thì, vì – nên*... Tuy nhiên, qua việc khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rất ít câu tục ngữ có dạng đầy đủ mà chỉ sử dụng một phần nào đó: *Roóng cha con cày, chiều cha con ngồi* (Ruộng cha con cày, chiều cha con ngồi). Từ câu trên ta có thể thêm xen các từ quan hệ để có cấu trúc kéo theo:

Vì ruộng cha *nên* con cày, vì chiều cha *nên* con ngồi.

Hễ ruộng cha *thì* con cày, hễ chiều cha *thì* con ngồi.

Nếu ruộng cha *thì* con cày, nếu chiều cha *thì* con ngồi.

Ruộng cha *nên* con cày, chiều cha *nên* con ngồi...

Tương tự, ta cũng gặp cấu trúc này trong các câu: *Sương mẹ bế con* (Thương mẹ bế con); *Chăm trước lớn sau* (Anh trước em sau); *Ừn có máng giầu* (Em có chị giàu)... Cấu trúc này thể hiện quan hệ gắn bó và sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình người Mường. Điều đó cũng cho thấy sự linh hoạt trong cách tư duy, cách nghĩ, cách nói của người dân nơi đây.

Qua việc khảo sát trên, ta thấy nhóm cấu trúc so sánh có số lượng lớn nhất. Bởi đây là dạng thức phổ biến trong lời ăn tiếng nói của người dân Mường và cũng là quá trình nhận thức. Mặt khác, người Mường rất thích lối nói nhịp nhàng, bóng bẩy. Các đối tượng được đem ra so sánh là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi trong đời sống của người dân, gắn với núi rừng hay hoạt động nương rẫy. Đó là những đồ vật: *mùng com, gói áo, giỏ cá, rựa...*; thực vật: *cây, trái, măng, hoa chuối, quả cau, bông hoa, dây rừng, rau ngàn...*; động vật: *đàn sếu, chim giang, trâu đầu đàn, ốc...* hay *chân thang, rãnh nước*. Những hình ảnh này gắn với cảm quan người miền núi, nó đã ăn sâu vào đời sống tình cảm của họ.

Cấu trúc so sánh này ta cũng có thể bắt gặp trong tục ngữ của nhiều dân tộc. Cũng cùng một nội dung, nếu người Việt nói: *Anh em như chân với tay*, thì người Tày nói: *Pỉ noọng bằng khen kha đúc nựa* (Anh em như chân tay xương thịt); người Thái nói: *Ái noọng khur tín tênh mur* (Anh em như chân với tay) và người Mường cũng nói: *Ừn eeng như chân mân say* (Anh em như chân với tay). Điều này cho thấy, ngoài sự khác biệt thì dân tộc Mường vẫn có những nét gần gũi, tương đồng với các dân tộc khác trong cách tư duy, lối ví von liên tưởng. Nó không chỉ giúp người nghe phát huy sự tưởng tượng và từ đó hiểu nhanh vấn đề mà còn tạo nên cái hay, cái đẹp trong từng câu nói. Chính điều này góp phần đem lại sức sống lâu bền cho tục ngữ.

4. Qua việc khảo sát 1506 câu tục ngữ với 192 câu thể hiện mối quan hệ gia đình, ta có thể khẳng định tục ngữ Mường không chỉ nhiều về số lượng mà còn phong phú về nội dung và đa dạng trong cách diễn đạt. Cụ thể có 4 kiểu cấu trúc cơ bản là: cấu trúc tương đồng, cấu trúc đối lập, cấu trúc so sánh, cấu trúc kéo theo. Trong đó, cấu trúc so sánh giữ vị trí quan trọng. Qua đây, ta cũng thấy được sự gần gũi trong cách nghĩ, cách nói của dân tộc Mường so với các dân tộc khác như Tày, Thái... Đặc biệt, tục ngữ Mường có những nét tương đồng và khác biệt rất thú vị so với tục ngữ Việt. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không thể đi sâu khai thác. Vấn đề này sẽ được chúng tôi trở lại trong những dịp nghiên cứu sau.

Có thể thấy, một dân tộc biết giữ gìn bản sắc dân tộc mình sẽ có đủ năng lực để tiếp thu tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác cũng như có đủ sức đề kháng với những văn hóa độc hại. Với dân tộc Mường cũng vậy, những nét đẹp trong quan hệ gia đình sẽ là những viên gạch vững chắc xây tiếp nền văn hóa để dân tộc Mường phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Anh, *Đặc trưng văn hóa Mường Thanh Hóa*, in trong “Kỷ yếu văn hóa dân tộc Mường”, Sở Văn hóa Thông tin Hòa Bình, 1995.

2. Phan Thị Đào, *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế, 2001.
3. Cao Sơn Hải, *Tục ngữ Mường Thanh Hóa*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Thái Hòa, *Tục ngữ Việt Nam, cấu trúc và thi pháp*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
5. Đỗ Thị Kim Liên, *Tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa ngữ dụng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
6. Nguyễn Thị Trung Thành, *Cái khó trong việc phân biệt thành ngữ và tục ngữ*, tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 9, tr. 6-12, 2009.
7. Lê Quang Thiêm (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội), *Xác lập hệ hình ngữ nghĩa – văn hóa trong nghiên cứu ngôn ngữ*.
8. Tạ Văn Thông (Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam), *Mục từ trong bách khoa thư văn hóa Việt Nam*.
9. Trần Phúc Trung (Đài Truyền hình Việt Nam), *Vài suy nghĩ về văn hóa giao tiếp – ứng xử ngôn ngữ trong hoạt động phỏng vấn trên sóng Đài truyền hình Việt Nam*.
10. Trần Thị Xuân (Đại Học Vinh), *Nét đẹp trong quan hệ gia đình người Mường thể hiện qua ngữ nghĩa của “Tục ngữ Mường Thanh Hóa”*.